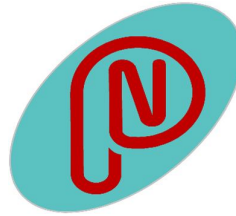


CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI



DONAPLAST

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2013**

Tên công ty niêm yết: Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai

Địa chỉ: Đường 9, KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai

ĐT: (061) 38 36 843 Ext:100, Fax: (061) 38 36 174

Lưu hành nội bộ

Đồng Nai – 05/2013

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Đồng Nai, ngày 6 tháng 4 năm 2013

QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2013

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp Việt Nam ngày 29/11/2005, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai được sửa đổi lần 2 ngày 16/4/2007.

Để Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai được tiến hành nhanh chóng, thuận lợi, đạt được thành công tốt đẹp, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông và tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.

Ban tổ chức Đại hội kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua “Quy chế tổ chức và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013” với các nội dung chính như sau:

Điều 1. Nhiệm vụ của Đại hội

- Biểu quyết thông qua Quy chế Tổ chức và biểu quyết tại Đại hội; Chương trình Đại hội; thành phần Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu.
- Thảo luận và biểu quyết thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012, Báo cáo tài chính tóm tắt năm 2012 đã được kiểm toán; Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2012. Tờ trình phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2012; và các tờ trình khác.
- Thảo luận và biểu quyết thông qua phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013; Tờ trình Kế hoạch phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2013; Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2013; Tờ trình về mức thù lao của HĐQT và BKS năm 2013; và các tờ trình khác;
- Thông qua thể lệ bầu cử, bầu Hội đồng quản trị.
- Biểu quyết thông qua Nghị quyết Đại hội, Biên bản Đại hội.

Điều 2. Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông

Các cổ đông của Công ty có tên trong danh sách cổ đông chốt ngày 16/4/2013 đều có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Nhựa Đồng Nai.

1. Các cổ đông hoặc người được ủy quyền khi đến tham dự Đại hội phải đăng ký với Ban kiểm tra tư cách cổ đông để nhận **Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu HĐQT, Phiếu Bầu BKS và Phiếu Thảo luận** trong đó có ghi tên cổ đông hoặc người được ủy quyền, mã số biểu quyết và số cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng của cổ đông.
2. Cổ đông/hoặc đại diện theo ủy quyền khi vào phòng Đại hội phải có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội; ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định.
3. Trong thời gian diễn ra Đại hội cổ đông, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Chủ tịch đoàn, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự Đại hội;
4. Người được ủy quyền tham dự Đại hội sử dụng mẫu ủy quyền do công ty cấp, không được ủy quyền lại cho người thứ ba tham dự Đại hội;
5. Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội;
6. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc không được để chuông.

Điều 3. Đoàn Chủ tịch

1. Đoàn Chủ tịch gồm 04 người, bao gồm 01 Chủ tịch và 03 thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị người Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông. Chủ tịch đoàn điều hành công việc của Đại hội theo nội dung, chương trình mà Hội đồng quản trị (HĐQT) đã dự kiến thông qua trước Đại hội.
2. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch:
 - a. Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
 - c. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.
 - e. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
3. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tịch:

Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

Điều 4. Ban Thư ký Đại hội

1. Ban thư ký của Đại hội bao gồm 02 người do Đoàn Chủ tịch giới thiệu, Đại hội biểu quyết thông qua; Chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tịch.
2. Nhiệm vụ của Ban Thư ký:
 - a. Giúp Đoàn Chủ tịch kiểm tra tư cách của cổ đông và đại diện cổ đông dự họp (khi cần thiết);
 - b. Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu;
 - c. Tiếp nhận, rà soát phiếu đăng ký phát biểu các ý kiến của các cổ đông, chuyển Đoàn Chủ tịch quyết định.
 - d. Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và các vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý vào Biên bản họp Đại hội;
 - e. Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề được thông qua tại Đại hội;

Điều 5. Ban Kiểm tra Tư cách Đại biểu

1. Ban Kiểm tra tư cách Đại biểu của Đại hội gồm 02 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 01 thành viên do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội biểu quyết thông qua.
2. Nhiệm vụ của Ban Kiểm tra tư cách Đại biểu
 - Thẩm tra tư cách cổ đông và đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội.
 - Trưởng Ban kiểm tra tư cách Đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông có quyền dự họp đại diện ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.
 - Ban Kiểm tra tư cách Đại biểu phải lập Biên bản kiểm tra tư cách Đại biểu, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình.

Điều 6. Ban Kiểm Phiếu

1. Ban kiểm phiếu của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội biểu quyết thông qua.
2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu

- Xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng vấn đề xin biểu quyết tại Đại hội;
- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.
- Thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký;
- Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản Kiểm phiếu, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình.

Điều 7. Thảo luận tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp Đại hội cần nhiều thời gian thảo luận hơn dự kiến thì Đoàn Chủ tịch sẽ có thẩm quyền quyết định vấn đề này.
- Cổ đông có ý kiến đăng ký nội dung vào Phiếu Thảo luận đã được phát và chuyển cho thư ký Đại hội;
- Thư ký Đại hội sẽ sắp xếp các Phiếu Thảo luận của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Đoàn chủ tịch;
- Cổ đông khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay và phải tuân thủ các quy định sau:
 - o Được sự chấp thuận của Chủ tọa;
 - o Phải nêu tên và mã số biểu quyết trước khi phát biểu;
 - o Nội dung phát biểu phải ngắn gọn và phù hợp với Chương trình Đại hội;
 - o Nội dung phát biểu phải mang tính xây dựng và phát triển Công ty;

2. Giải đáp ý kiến của các cổ đông:

- Trên cơ sở Phiếu Thảo luận của cổ đông, chủ tọa hoặc thành viên do chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến cổ đông;
- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời trực tiếp bằng văn bản.

Điều 8. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội:

1. Nguyên tắc:

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội Đồng Cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.

- Phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho cổ đông (người được ủy quyền) tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự). Mỗi Cổ đông được cấp 01 Phiếu biểu quyết. Trên Phiếu biểu quyết có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của cổ đông đó.
- Hình thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 như sau:
 - **Biểu quyết bằng hình thức giơ Phiếu biểu quyết:** Hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như: Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc và biểu quyết tại đại hội; Thành phần Chủ tịch đoàn; Ban thư ký; Ban kiểm phiếu; Quy chế bầu cử; Danh sách ứng cử; thông qua Nghị quyết đại hội và Biên bản đại hội.
 - **Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết:** hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề: các nội dung tờ trình của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát trình Đại hội biểu quyết liên quan đến kết quả sản xuất kinh doanh năm 2012, kế hoạch 2013; biểu quyết sửa đổi điều lệ hoạt động công ty, bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2012-2017, biểu quyết thông qua các nội dung khác tại đại hội;
- Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được tiến hành theo thể thức bầu dồn phiếu.

2. Cách thức biểu quyết:

- Cổ đông /hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết (đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến) một vấn đề bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội. Cổ đông chú ý ký tên vào Phiếu biểu quyết.
- Cổ đông hoặc người được đại diện theo ủy quyền thực hiện việc biểu quyết để **Đồng ý, Không đồng ý hoặc Không ý kiến** một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách **giơ cao Phiếu biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại Điểm 7 khoản 1.**
- Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Phiếu biểu quyết, mặt trước của Phiếu biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Chủ tọa đoàn. Trường hợp cổ đông hoặc người được ủy quyền **không giơ Phiếu biểu quyết trong cả ba lần** biểu quyết **đồng ý và không đồng ý hoặc không ý kiến** của một vấn đề thì được xem như là

không ý kiến vấn đề đó. Trường hợp cổ đông hoặc người được ủy quyền **giơ cao Phiếu biểu quyết trong cả ba lần** biểu quyết *đồng ý, không đồng ý* hoặc *không ý kiến* của một vấn đề thì được xem như **biểu quyết không ý kiến**. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Phiếu biểu quyết, Thành viên Ban kiểm phiếu đánh dấu mã cổ đông và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến.

3. Thể lệ biểu quyết:

- 3.1. Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp 01 (một) phiếu biểu quyết.
- 3.2. Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi đạt được tỷ lệ biểu quyết đồng ý của ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại điểm 2, điều 20 Điều lệ Công ty thì phải có sự đồng ý ít nhất 75% số cổ phần có quyền tham dự Đại hội.

Điều 9. Biên bản, Nghị Quyết họp Đại hội đồng cổ đông

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được Ban Thư ký lập, đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Điều 10. Thi hành Quy chế

Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Quy chế làm việc và biểu quyết tại Đại hội này được trình bày trước Đại hội cổ đông Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai và được thông qua khi được sự chấp thuận của ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Quy chế này có hiệu lực kể từ thời điểm được Đại hội Đồng Cổ đông thường niên 2013 của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai thông qua và chấm dứt hiệu lực sau khi kết thúc Đại hội.

Thay mặt Ban Tổ chức trình Đại hội cổ đông cho ý kiến và biểu quyết thông qua.

TM. Ban Tổ Chức Đại Hội

Chủ tịch HĐQT

(đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Lưu Thụy

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG NĂM 2013
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

THỜI GIAN	NỘI DUNG	CHỦ TRÌ
8:00–8:30	Đón khách, đăng ký đại biểu, phát tài liệu.	Ban Tổ Chức
8:30–8:35	Khai mạc Đại hội Thông qua Chương trình Đại Hội Thông qua Quy chế Tổ chức và Biểu quyết tại Đại hội Giới thiệu Chủ tịch Đoàn, Đại biểu, Thư ký Đoàn, Ban kiểm phiếu	Dẫn Chương trình
8:35–8:40	Báo cáo kiểm tra tư cách Đại biểu tham dự đại hội	Ban kiểm tra tư cách Đại biểu
8:40–8:55	Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc về tình hình hoạt động SXKD năm 2012, Kế hoạch SXKD năm 2013 và Giải pháp	Tổng Giám Đốc
8:55–9:05	Báo cáo Tài chính năm 2012	Tổng Giám Đốc
9:05–9:15	Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị	Chủ tịch HĐQT
9:15–9:20	Báo cáo của Ban Kiểm Soát năm 2012	Trưởng BKS
9:20–9:30	Trình bày các nội dung thông qua trong đại hội: 1.Thông qua Báo cáo Ban TGD năm 2012, kế hoạch năm 2013 2.Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2012 3.Thông qua Báo cáo HĐQT năm 2012, kế hoạch năm 2013 4.Thông qua Báo cáo BKS năm 2012, kế hoạch năm 2013 5.Thông qua các tờ trình với nội dung như sau: 5.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2012 5.2. Phương án Sản xuất Kinh doanh năm 2013 5.3. Thù lao HĐQT và BKS năm 2013 5.4. Ủy quyền cho HĐQT chọn Công ty Kiểm toán. 5.5. Sửa đổi Điều Lệ Hoạt động Công ty. 5.5. Bầu cử bổ sung thành viên HĐQT, BKS	Chủ tịch HĐQT
9:30–10:00	Thảo luận ý kiến Cổ đông	Chủ tịch HĐQT
10:0–10:10	Biểu quyết thông qua nội dung tờ trình của HĐQT	Tổng Giám Đốc
10:10–10:20	Phát biểu của Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch HĐQT
10:20–10:25	1. Thông qua Quy chế Bầu cử 2. Thông qua danh sách bổ sung ứng viên ứng cử vào HĐQT 3. Cổ đông tiến hành bỏ phiếu bầu thành viên HĐQT	Dẫn Chương trình
10:25–10:40	Nghỉ giải lao	
10:40–11:00	Kiểm phiếu và công bố kết quả biểu quyết và bầu cử	Ban kiểm phiếu
11:10–11:20	Ra mắt HĐQT mới.	Chủ tịch HĐQT
11:20–11:30	Thông qua biên bản và nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông	Thư ký đại hội

DANH SÁCH
CHỦ TỊCH ĐOÀN, THƯ KÝ ĐOÀN,
BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH ĐẠI BIỂU, BAN KIỂM PHIẾU
TẠI PHIÊN HỌP ĐHCĐ NĂM 2013

I. CHỦ TỊCH ĐOÀN

- | | |
|------------------------|------------------------------------|
| 1. Ông Nguyễn Lưu Thụy | Chủ tịch HĐQT, Trưởng Ban Tổ Chức. |
| 2. Ông Vũ Đình Độ | Phó Chủ tịch HĐQT |
| 3. Ông Trần Hữu Chuyên | Tổng Giám Đốc |
| 4. Ông Mai Hữu Đạt | Trưởng Ban Kiểm Soát |

II. THƯ KÝ ĐOÀN

- | | |
|------------------------|-------------------|
| 1. Bà Nguyễn Thị Huyền | Trưởng Ban Thư Ký |
| 2. Bà Trần Thị Thiện | Thư ký |

III. BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH ĐẠI BIỂU

- | | |
|---------------------------|------------------------------------------|
| 1. Ông Nguyễn Văn Hiếu | Trưởng Ban Kiểm tra Tư cách Đại biểu |
| 2. Bà Ngô Thị Phương Châu | Thành viên Ban Kiểm tra Tư cách Đại biểu |

IV. BAN KIỂM PHIẾU

- | | |
|--------------------------|---------------------------|
| 1. Ông Nguyễn Kim Nguyên | Trưởng Ban Kiểm Phiếu |
| 2. Bà Văn Thanh Lễ | Thành viên Ban Kiểm Phiếu |
| 3. Bà Vũ Thị Thục Hiền | Thành viên Ban Kiểm Phiếu |

V. BAN KỸ THUẬT

- | | |
|----------------------------|-------------------------|
| 1. Ông Trần Thế Sĩ | Trưởng Ban Kỹ Thuật |
| 2. Ông Nguyễn Tuệ Nhật Hòa | Thành viên Ban Kỹ Thuật |

VI. BAN HẬU CẦN

- | | |
|-----------------------|------------------------|
| 1. Bà Đàm Thị Mối | Trưởng Ban Hậu Cần |
| 2. Bà Lê Thị Hồng Ánh | Thành viên Ban Hậu Cần |

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NHỰA ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----oO-----

Đồng Nai, ngày 19 tháng 4 năm 2013

BÁO CÁO

TỔNG KẾT THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2012 VÀ KẾ HOẠCH NĂM NĂM 2013

PHẦN 1: TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2012

1. Đặc điểm tình hình

Nền kinh tế thế giới gặp nhiều bất ổn do khủng hoảng tài chính và nợ công châu Âu tiếp tục kéo dài. Sự suy thoái đồng tiền Mỹ và Euro khu vực châu Âu làm gia tăng khủng hoảng tín dụng dẫn đến khủng hoảng hệ thống thương mại toàn cầu. Các nền kinh tế đầu tàu như Mỹ, Trung Quốc, Nhật đều suy giảm tăng trưởng kinh tế làm ảnh hưởng đến nền kinh tế trong nước chúng ta. Từ đó thị trường tiêu thụ bị thu hẹp, hàng tồn kho ở mức cao, tỷ lệ nợ xấu ngân hàng tăng cao làm cho một số doanh nghiệp nhỏ phá sản hàng loạt hoặc phải thu hẹp lại sản xuất.

Chính phủ đã áp dụng các giải pháp chính sách tài chính và tài khóa thắt chặt, thực hiện việc kiểm soát thâm hụt ngân sách dưới 5%, giảm cho vay vào các lĩnh vực phi sản xuất như chứng khoán và bất động sản. Việc áp dụng chính sách này đã ảnh hưởng lớn đến triển khai các dự án cấp thoát nước do không thu xếp được nguồn vốn.

Tuy nhiên tình hình cuối năm 2012 tình hình lạm phát đã được kiểm soát, chính phủ tiếp tục thực hiện một số dự án cấp thoát nước cho các khu vực miền Tây, miền Trung có nguồn vốn từ ODA đã được tiếp tục giải ngân. Do đó tình hình sản xuất kinh doanh cuối năm 2012 gặp rất khả quan.

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

2.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012

Năm 2012, hoạt động sản xuất kinh doanh gặp rất nhiều khó khăn tuy nhiên DNP cũng đã thực hiện hoàn thành kế hoạch lợi nhuận như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2012	Thực hiện năm 2012	Thực hiện năm 2011	Tỷ lệ HT (%)
Doanh thu	Tỷ đồng	320	305,98	356,53	95,62
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng		8,90	15,16	
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	6,8	8,24	12,52	121,18
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng		2.323	3.602	
Sản lượng Ống	Tấn	3.200	2.657	3.230	83,03
Sản lượng Túi bao bì	Tấn	4.500	3.383	3.222	75,18

2.2. Đánh giá hiệu quả kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

2.2.1. Những kết quả đạt được

Nhìn lại một năm với đầy những tác động gây khó khăn cho các doanh nghiệp nói chung và công ty nói riêng, bằng sự chỉ đạo định hướng và thực hiện chiến lược của Hội đồng Quản trị, năng lực quản lý, điều hành sáng tạo của Ban Tổng Giám đốc, phát huy sáng kiến của người lao động. Đặc biệt trong đó có sự bổ sung nguồn nhân lực chất lượng cao đã có kinh nghiệm qua các vị trí các Tập đoàn lớn tham gia vào Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám Đốc đã đưa công ty có những hướng phát triển mở rộng thị trường Bắc, Trung, Nam cũng như liên kết với đối tác quan trọng trong khu vực Đông Nam Á giúp cho sản phẩm của công ty ngày càng cạnh tranh hơn.

Những tiến bộ cụ thể mà công ty đã đạt được trong năm qua đó là:

- Doanh thu đạt 95,6% kế hoạch (306 tỷ / 320 tỷ).
- Lợi nhuận đạt 120,5% kế hoạch (8,2 tỷ / 6,8 tỷ).
- Thu nhập người lao động bình quân tăng 6,7 % so với kế hoạch (4,8/4,5 triệu đồng/người/tháng).
- Sản lượng xuất khẩu túi xí nghiệp bao bì suy giảm là do chính sách bán chống phá giá của châu Âu đối với Trung Quốc được gỡ bỏ làm cho một số khách hàng quan trọng của công ty đã cắt giảm sản lượng chuyển sang Trung Quốc gia công làm ảnh hưởng đến hoàn thành kế hoạch của Kinh doanh Bao bì.

- Sản lượng Ống Nhựa cũng suy giảm nguyên nhân là do chủ yếu là ngân sách giải ngân của nhà nước cho các dự án công trình cấp thoát nước, các dự án xây dựng bị chia thành nhiều giai đoạn dài hơn hoặc hủy dự án. Tuy nhiên công ty cũng đã nhanh chóng

thay đổi tiếp cận đa dạng thị trường mục tiêu hơn, phát triển thêm tham gia các dự án cấp, thoát nước, xây dựng tư nhân hơn.

Tuy nhiên gặp nhiều khó khăn về nguồn vốn vay từ ngân hàng, chính sách giá bán cạnh tranh, công ty cũng đã tự cải tiến được hệ thống máy móc giúp nâng cao được năng suất, cải thiện chất lượng sản phẩm, nâng cao tay nghề của người công nhân. Qua đó khẳng định chất lượng sản phẩm của DNP trên những công trình.

Để đạt được những kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh như trên, Ban Tổng giám đốc Công ty đã bám sát định hướng của Hội đồng quản trị, kịp thời nắm bắt thông tin thị trường đồng thời tập trung trí tuệ và năng lực tập thể của cán bộ quản lý trong Công ty để hoạch định những giải pháp tức thời góp phần quan trọng cho việc hoàn thành các chỉ tiêu Đại hội đồng cổ đông 2012 đã đề ra. Những nguyên nhân chủ yếu đảm bảo cho kết quả trên là:

- Chủ động được nguồn nguyên liệu kịp thời cho các đơn hàng sản xuất.
- Phòng kinh doanh đã có nhiều nỗ lực trong việc duy trì, tìm kiếm khách hàng mới, mở rộng thị trường tiêu thụ như thành lập văn phòng phía Bắc.
- Tiết kiệm tối đa các loại chi phí thông qua các biện pháp về kỹ thuật, công nghệ để giảm giá thành, nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Tạo được sự đồng thuận trong nội bộ công ty trong nỗ lực thực hành tiết kiệm, nâng cao năng suất và chia sẻ khó khăn chung.

2.2.2. Những điểm cần khắc phục trong hoạt động điều hành Sản xuất Kinh doanh năm 2012

- Công tác kinh doanh chưa tạo được đột phá trong tổ chức hoặc phương thức bán hàng vì vậy chưa đẩy được sản lượng tiêu thụ trong khi mức đầu tư cho sản xuất ồng tăng lên nhiều trong ba năm qua.

- Lao động phổ thông biến động liên tục do tâm lý nhảy việc, nghỉ việc về quê, nghỉ việc do hết tuổi lao động dẫn đến ảnh hưởng tới sản lượng và năng suất do đó cần có chính sách thu hút và giữ chân người lao động gắn bó lâu dài với công ty.

- Nhân viên kinh doanh sản phẩm ống nhựa còn thiếu do đó cần phải bổ sung và đào tạo kịp thời, phải tạo điều kiện tốt nhất về chính sách bán hàng và các điều kiện có thể để ưu tiên phát triển mở rộng kinh doanh.

- Giá sản phẩm cao hơn các sản phẩm cùng loại khác vì công ty phải tính lãi suất cao, khấu hao máy móc lớn dẫn đến việc tiêu thụ sản phẩm giảm.

- Chất lượng sản phẩm thiếu ổn định, phải kiểm soát tốt từ nguyên liệu đầu vào tới sản phẩm đầu ra.

- Nguồn cung cấp nguyên liệu bị hạn chế và còn chủ quan trong khâu nhập nguyên liệu, cần phải chủ động tìm các nguồn cung cấp mới để duy trì sự ổn định xuyên suốt trong sản xuất.

3. Các công ty có liên quan

3.1. Thông tin về công ty liên quan

Công ty con: Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai Miền Trung

Thành lập: Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai Miền Trung được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 3303070169 ngày 27 /12/ 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp và thay đổi lần thứ 2 vào ngày 26/12/2007.

Trụ sở: Lô 06, Khu Công nghiệp Điện Nam – Điện Ngọc – Huyện Điện Bàn – Tỉnh Quảng Nam.

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh.

- Sản xuất kinh doanh ống nhựa và các sản phẩm nhựa PVC và HDPE.
- Xây dựng các công trình cấp thoát nước và lắp đặt các tuyến đường ống thoát nước, công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông thủy lợi.

- Sản xuất kinh doanh nệm mousse xốp, nệm lò xo và mousse dân dụng, công nghiệp.

- Sản xuất bao bì nhựa, bạt PP và các sản phẩm nhựa dân dụng, công nghiệp.

- Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng.

- Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ theo vốn góp thực tế là: 83,1%.

3.2. Tóm tắt báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai Miền Trung năm 2012

Năm 2012 hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai Miền Trung đã hoàn thành nhiệm vụ vượt mức đề ra. Các chỉ tiêu cụ thể như sau:

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 40,81 tỷ, đạt 153,65% so với năm 2011 là 26,56 tỷ. Đây là kết quả tăng doanh số vượt bật trong nền kinh tế khó khăn..

- Lợi nhuận trước thuế đạt 1,94 tỷ, đạt 101,04% so với năm 2011 là 1,92 tỷ.

- Lợi nhuận trước sau thuế đạt 1,84 tỷ, đạt 100% so với năm 2011 là 1,84 tỷ.

PHẦN II: PHƯƠNG HƯỚNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2013**1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013**

Tổng doanh thu dự kiến: 400 tỷ đồng.

Lợi nhuận sau thuế dự kiến: 10 tỷ đồng.

STT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ
			2013	2012	%
A	B	C	1	2	3=1/2
I	Doanh thu	Tỷ đồng	400	305,98	130,73
II	Sản phẩm chủ yếu				
	1. Ống nhựa các loại	Tấn	4.500	2.657	169,36
	2. Bao bì	Tấn	3.500	3.383	103,46
	Thu nhập bình quân	Tr. đồng	5,0	4,8	104,17
IV	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	10,000	8.243	121,31
	Trong đó:				
	Quỹ phát triển sản xuất kinh doanh	Tr. đồng	2.516	3.166	79,47
	Quỹ dự trữ tài chính (5%)	Tr. đồng	500	412	121,36
	Quỹ khen thưởng (10%)	Tr. đồng	1.000	824	121,36
	Thù lao HĐQT và BKS (5%)	Tr. đồng	500	312	121,36
	Cổ tức (16%)	Tr. đồng	5.484	3.427	160,00

2. Các giải pháp thực hiện trong năm 2013**a. Nguồn nhân lực**

- Xây dựng định mức công việc, định mức lao động cho toàn thể CBCNV cho tất cả các bộ phận.
- Xây dựng chương trình tuyển dụng và đào tạo cho CBCNV mới đáp ứng theo từng khu vực Bắc, Trung, Nam theo hướng sử dụng người địa phương khu vực đó giúp hiểu rõ văn hóa địa phương.
- Xây dựng chính sách tuyển dụng lao động phổ thông theo hướng tạo được gắn bó lâu dài với công ty trên cơ sở tay nghề, mức độ cống hiến đảm bảo công nhân sống tốt với lương.

b. Tài chính

- Nâng cao nghiệp vụ và trách nhiệm của bộ phận tài chính, kế toán nhằm đáp ứng được yêu cầu quản lý chi phí, quản lý giá thành, giá bán, công nợ. Thực hiện báo cáo quyết toán tháng, quý, năm nhanh chính xác, đúng thời gian quy định nhằm hỗ trợ cho việc ra quyết định của Ban Giám Đốc trước các biến động khó lường của thị trường hiện

nay.

- Thực hiện việc đánh giá tín nhiệm khách hàng định kỳ nhằm thẩm định mức độ tín nhiệm của khách hàng qua việc kiểm soát hạn mức công nợ, mức tạm ứng, thời gian thu tiền theo từng hợp đồng nhằm tăng thanh khoản, giảm áp lực tài chính cho công ty.

c. Kinh doanh

- Phòng kinh doanh nhằm mở rộng thị trường từ mảng dự án sử dụng vốn ngân sách sang mảng dự án sử dụng vốn tư nhân cũng như liên kết với đối tác uy tín cung cấp các sản phẩm kèm theo đảm bảo chất lượng nâng cao uy tín của DNP.
- Xây dựng các chính sách bán hàng theo từng khu vực, đối tượng khách hàng, nhóm sản phẩm. Chính sách chiết khấu bán hàng cho khách hàng và chính sách thưởng cho nhân viên kinh doanh tạo động lực bán hàng.

d. Kỹ thuật Công nghệ

- Phòng Kỹ thuật Công nghệ Thực hiện việc cải tiến và ứng dụng kỹ thuật, công nghệ để làm tăng năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm và giảm giá thành sản phẩm tạo lợi thế cạnh tranh dựa trên chất lượng, giá thành sản phẩm.
- Phòng Kỹ thuật Công nghệ áp dụng chương trình quản lý sửa chữa thiết bị giúp giảm thời gian dừng máy, giảm chi phí sửa chữa bảo trì toàn nhà máy.
- Xây dựng hệ thống hỗ trợ kỹ thuật khách hàng hàn ống đảm bảo việc việc nối ống đúng kỹ thuật hạn chế rủi ro khi lắp ống công trình lấy sự hài lòng của khách hàng làm thước đo đánh giá chất lượng dịch vụ.

e. Quản trị

- Ứng dụng công cụ công nghệ thông tin trong kiểm soát quy trình từ chấm công, tính lương, triển khai sản xuất, đánh giá chất lượng đảm bảo các số liệu khách quan và là cơ sở Ban Giám Đốc đưa ra việc điều chỉnh chính sách về định mức lao động, sản xuất, tài chính.
- Cải tiến liên tục về hệ thống quản trị chất lượng ISO 9001:2008 giúp cho các sản phẩm đạt chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế về chất lượng sản phẩm và chất lượng quy trình.
- Xây dựng phong trào thi đua phát huy cải tiến, tiết kiệm trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chúng tôi hy vọng với kế hoạch và các giải pháp đề nghị như trên, Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai sẽ từng bước vượt qua được khó khăn trong năm 2013 và phát triển ổn định cho các năm sau.

PHẦN III: BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM 2012

1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	TÀI SẢN	Mã số	31/12/2012	01/01/2012
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	165,878,252,996	154,557,829,979
	(100 = 110+120+130+140+150)			
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3,924,102,287	13,204,470,739
	1. Tiền	111	3,924,102,287	13,204,470,739
	2. Các khoản tương đương tiền	112	-	-
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	-	-
	1. Đầu tư ngắn hạn	121	-	-
	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	85,425,491,648	77,057,186,892
	1. Phải thu của khách hàng	131	82,205,699,733	73,699,661,409
	2. Trả trước cho người bán	132	8,325,047,716	5,728,346,971
	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-	-
	4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134	-	-
	5. Các khoản phải thu khác	135	1,430,733,881	957,955,456
	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	(6,535,989,682)	(3,328,776,944)
IV	Hàng tồn kho	140	72,128,267,641	59,248,806,518
	1. Hàng tồn kho	141	73,253,570,193	59,491,961,173
	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(1,125,302,552)	(243,154,655)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150	4,400,391,421	5,047,365,831
	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13,416,724	44,121,712

	2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152	-	-
	3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	1,126,413,654	1,000,000
	4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157	-	-
	5.	Tài sản ngắn hạn khác	158	3,260,561,043	5,002,244,119
B. TÀI SẢN DÀI HẠN					
		(200 = 210+220+240+250+260)	200	76,321,240,463	86,524,030,683
I.	Các khoản phải thu dài hạn		210	-	-
	1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	-
	2.	Vốn kinh doanh đơn vị trực thuộc	212	-	-
	3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213	-	-
	4.	Phải thu dài hạn khác	218	-	-
	5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	-	-
II.	Tài sản cố định		220	73,274,845,543	80,994,817,937
	1.	Tài sản cố định hữu hình	221	60,001,106,386	70,130,106,208
		- Nguyên giá	222	118,061,535,790	116,893,641,214
		- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(58,060,429,404)	(46,763,535,006)
	2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	8,226,647,223	10,597,195,005
		- Nguyên giá	225	15,381,758,550	14,786,300,517
		- Giá trị hao mòn lũy kế	226	(7,155,111,327)	(4,189,105,512)
	3.	Tài sản cố định vô hình	227	-	-
		- Nguyên giá	228	-	-
		- Giá trị hao mòn lũy kế	229	-	-
	4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5,047,091,934	267,516,724
III	Bất động sản đầu tư		240	-	2,441,030,000
		- Nguyên giá	241	-	2,441,030,000
		- Giá trị hao mòn lũy kế	242	-	-

IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		250	-	-
	1.	Đầu tư vào công ty con	251	-	-
	2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	-	-
	3.	Đầu tư dài hạn khác	258	-	-
	4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	-	-
V.	Tài sản dài hạn khác		260	3,046,394,920	3,088,182,746
	1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	1,102,097,225	1,261,645,604
	2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	85,027,421	18,587,060
	3.	Tài sản dài hạn khác	268	1,859,270,274	1,807,950,082
		TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	242,199,493,459	241,081,860,662
	NGUỒN VỐN			31/12/2012	01/01/2012
A.	NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)		300	154,684,876,389	154,330,564,920
I.	Nợ ngắn hạn		310	141,728,029,407	132,859,666,532
	1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	109,178,090,973	99,203,103,878
	2.	Phải trả cho người bán	312	15,458,529,831	20,854,081,420
	3.	Người mua trả tiền trước	313	5,710,064,342	5,219,728,214
	4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	7,204,150,461	3,550,775,276
	5.	Phải trả người lao động	315	2,098,661,420	862,605,745
	6.	Chi phí phải trả	316	2,850,023,546	2,325,571,645
	7.	Phải trả nội bộ	317	-	-
	8.	Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318	-	-
	9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	1,297,484,003	844,448,151
	10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	-	-
	11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	(2,068,975,169)	(647,797)
		Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính	327	-	-

	12.	phủ			
II.	Nợ dài hạn		330	12,956,846,982	21,470,898,388
	1.	Phải trả dài hạn người bán	331	-	-
	2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332	-	-
	3.	Phải trả dài hạn khác	333	89,792,000	89,792,000
	4.	Vay và nợ dài hạn	334	12,867,054,982	21,381,106,388
	5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	-	-
	6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	-	-
	7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337	-	-
	8.	Doanh thu chưa thực hiện	338	-	-
	9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	-	-
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU		400	84,154,333,497	83,620,427,062
I.	Vốn chủ sở hữu		410	84,154,333,497	83,620,427,062
	1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	34,276,370,000	34,276,370,000
	2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	26,720,892,735	26,720,892,735
	3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413	1,441,908,340	1,239,475,588
	4.	Cổ phiếu quỹ	414	(427,842,000)	(427,842,000)
	5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-	-
	6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	-	-
	7.	Quỹ đầu tư phát triển	417	9,610,422,199	7,498,861,723
	8.	Quỹ dự phòng tài chính	418	2,250,740,284	2,042,221,033
	9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	-	-
	10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	10,281,841,938	12,270,447,983
	11.	Nguồn vốn đầu tư XDCB	421	-	-
	12.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422	-	-
II.	Nguồn kinh phí, quỹ khác		430	-	-
	1.	Nguồn kinh phí	432	-	-

	2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433	-	-
C	LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ			3,360,283,574	3,130,868,680
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440	242,199,493,459	241,081,860,662

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

CHỈ TIÊU			Năm 2012	Năm 2011
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	305,979,407,085	356,991,654,755
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	970,000	459,414,374
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	305,978,437,085	356,532,240,381
4.	Giá vốn hàng bán	11	258,600,298,194	311,663,705,976
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20	47,378,138,891	44,868,534,405
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	2,846,696,732	1,043,971,234
7.	Chi phí tài chính	22	17,465,947,065	17,953,291,587
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23	10,757,841,824	14,062,278,276
8.	Chi phí bán hàng	24	8,358,944,825	9,279,243,901
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	16,374,164,346	9,750,138,429
10.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30	8,025,779,387	8,929,831,721
	(30 = 20 + 21 - 22 - 24 - 25)			
11.	Thu nhập khác	31	5,655,676,954	9,629,702,667
12.	Chi phí khác	32	4,775,378,042	3,393,894,176
13.	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	880,298,912	6,235,808,491
14.	Lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh		-	-
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	8,906,078,299	15,165,640,212
	(50 = 30 + 40)			
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	729,431,704	2,570,303,477
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(66,440,361)	77,219,127

18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	8,243,086,956	12,518,117,608
	(60 = 50 - 51 -52)			
18.1	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61	310,781,306	215,952,515
18.2	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	62	7,932,305,650	12,302,165,093
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2,323	3,602

3. Đánh giá Công ty Kiểm toán

Năm 2012 Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP.Hồ Chí Minh được chọn là Công ty Kiểm toán của Công ty CP Nhựa Đồng nai.

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong các báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Theo quan điểm của Ông Nguyễn Quang Tuyên – Kiểm toán viên số Chứng chỉ KTV:0113/KTV do Bộ Tài chính cấp, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

4. Phân tích tình hình tài chính

4.1. Các chỉ số tài chính cơ bản

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2012	2011	Chênh lệch	Tăng giảm (%)
I	Cấu trúc tài sản, nguồn					

	vốn					
1	Cấu trúc tài sản					
	Tổng giá trị tài sản	Tr. Đồng	242,199	241,082	1,117	100.46%
	Tài sản ngắn hạn	Tr. Đồng	165,878	154,558	11,320	107.32%
	Tài sản dài hạn	Tr. Đồng	76,321	86,523	(10,202)	88.21%
2	Cấu trúc nguồn vốn				-	
	Nợ phải trả	Tr. Đồng	158,045	157,462	583	100.37%
	Vốn chủ sở hữu	Tr. Đồng	84,154	83,621	533	100.64%
II	Khả năng sinh lời					
	Doanh thu thuần	Tr. Đồng	305,978	356,535	(50,553)	85.82%
	Lợi nhuận trước thuế	Tr. Đồng	8,906	15,165	(6,259)	58.73%
	Lợi nhuận sau thuế	Tr. Đồng	8,243	12,518	(4,275)	65.85%
	Tỷ suất lợi nhuận gộp		15.48%	12.58%		123.04%
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế		2.91%	4.25%		68.43%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế		2.69%	3.51%		76.73%
III	Tính thanh khoản					
	Hệ số thanh toán hiện hành		1.17	1.16		100.90%
	Hệ số thanh toán nhanh		0.66	0.72		91.87%
	Nợ khó đòi		6,535	3,328	3,207	196.35%
	Vòng quay hàng tồn kho		3.94	5.78		68.11%
	Số ngày tồn kho bình quân		93	63	30	146.82%
	Số ngày thu tiền		93	80	13	116.90%
	Số ngày trả tiền		22	24	(3)	
	Kỳ luân chuyển tiền mặt		164	118	46	138.57%
IV	Chỉ tiêu khác					
	Vòng quay tổng tài sản		1.27	1.48		85.56%
	Suất sinh lợi của VCSH		0.10	0.16		63.16%

	Nợ trên tổng tài sản		0.64	0.64		99.77%
	Nợ trên vốn chủ sở hữu		1.84	1.85		99.46%
	Tỷ lệ chi trả cổ tức		10%	16%		62.50%

4.2. Sơ bộ cấu trúc tài chính Công ty

Kết thúc năm 2012 công ty có Tổng tài sản 242,2 tỷ tăng 1,1 tỷ so với năm 2011. Trong đó tài sản ngắn hạn tăng 11,2 tỷ và tài sản dài hạn giảm 10,1 tỷ. Tỷ trọng tài sản ngắn hạn năm 2012 bằng 68% tổng tài sản, tăng hơn 4% so với năm 2011. Nguyên nhân thay đổi chủ yếu cơ cấu này là do công ty tăng trưởng doanh thu ống nhựa vào 2 tháng cuối năm làm cho khoản phải thu từ khách hàng tăng lên 8,5 tỷ, giảm 9,4 tỷ đồng tiền mặt tại ngân hàng để dự trữ nguyên vật liệu để cung ứng đủ và kịp cho sản xuất đầu năm 2013 với các lịch giao hàng dày đặc, do đó hàng tồn kho tăng hơn 12,9 tỷ.

Năm 2012 là năm không biến động nhiều trong cơ cấu nguồn vốn so với năm 2011. Nợ phải trả cả 2 năm có khoảng 158 tỷ chiếm 65% cơ cấu nguồn vốn, còn lại vốn chủ sở hữu chiếm 35%.

4.3. Phân tích chỉ số tài chính

a. Đánh giá hiệu quả kinh doanh

Ban Tổng Giám Đốc nhận thấy tình hình sản xuất kinh doanh năm 2012 sẽ là rất khó khăn. Mặc dù doanh thu chỉ đạt 98% kế hoạch nhưng lợi nhuận sau thuế lại vượt kế hoạch 1,6 tỷ tương đương bằng 120% kế hoạch đề ra. Tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu năm 2012 bằng 15,5% tăng 2,9% so với năm 2011. Nguyên nhân là do công ty đã quản lý chặt chẽ giá nguyên vật liệu đầu vào và tiết kiệm được 2% tỷ lệ hao hụt Nguyên vật liệu so với cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên tỷ suất lợi nhuận trước thuế năm 2012 chỉ đạt 2,91% /doanh thu và đó cũng là điểm công ty sẽ khắc phục ngay trong năm 2013 bằng việc thắt chặt quản lý chi phí trên cơ sở chính sách tiết kiệm và sử dụng định mức hợp lý.

b. Đánh giá tính thanh khoản và sự tăng trưởng

Tính thanh khoản nhanh năm 2012 của công ty kém hơn năm 2011, nhưng vẫn đảm bảo khả năng thanh toán. Nguyên nhân tính thanh khoản kém hơn:

- Số ngày tồn kho tăng từ 63 ngày năm 2011 thành 93 ngày năm 2012.
- Khoản phải thu bình quân tăng thêm 13 ngày, tức ngày thu tiền bình quân công ty là 93 ngày (tương đương 3 tháng).

- Trong số đó công ty cũng đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi 6,5 tỷ để đảm bảo an toàn cho tài chính

- Số ngày nợ phải trả khách hàng bình quân giảm 3 ngày so với năm 2011.

Tất cả yếu tố trên làm cho chu kỳ kinh doanh năm 2012 tăng thêm 46 ngày so với năm 2011, tức là chu kỳ kinh doanh năm 2012 là 164 ngày.

Trước tình hình trên, Ban giám đốc cũng đã và đang xây dựng chính sách bán hàng hợp lý, thúc đẩy thu hồi nợ và song song đó đàm phán khách hàng thực hiện việc cung cấp nguyên vật liệu bằng LC trả chậm, nhanh chóng ổn định sản xuất kinh doanh...sẽ giúp cho tăng chu kỳ kinh doanh, hiệu quả nguồn vốn công ty.

Trên đây là báo cáo tổng kết tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012, phương hướng sản xuất kinh doanh năm 2013 và báo cáo tài chính được kiểm toán.

Trân trọng cảm ơn Quý vị đã nghe và trình Đại hội cho ý kiến.

Tổng Giám Đốc
(Đã ký, Đóng dấu)
Trần Hữu Chuyên

CÔNG TY CỔ PHẦN
NHỰA ĐỒNG NAI
 Số:...../BC-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
 -----oOo-----

Đồng Nai, ngày 19 tháng 4 năm 2013

BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2012 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2013

Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai kính trình Đại hội đồng Cổ đông báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2012 và Phương hướng hoạt động năm 2013.

1. Cơ cấu tổ chức

Trong năm 2012, HĐQT nhiệm kỳ mới năm 2012-2017 và có sự thay đổi về nhân sự như sau:

- | | |
|------------------------|-------------------|
| 1. Ông Nguyễn Lưu Thụy | Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông Vũ Đình Độ | Phó Chủ tịch HĐQT |
| 3. Ông Lê Huy Phương | Thành viên HĐQT |
| 4. Ông Nguyễn Phú Túc | Thành viên HĐQT |
| 5. Ông Nguyễn Xuân Nam | Thành viên HĐQT |

2. Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu các Cổ đông

Tổng số vốn điều lệ tính đến năm 2012 là 34.276.370.000 đồng.

Cơ cấu vốn của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai như sau:

Chỉ tiêu	VNĐ	Tỷ lệ (%)	Số lượng Cổ Đông	Cơ cấu Cổ Đông	
				Tổ chức	Cá nhân
Tổng vốn điều lệ	34.276.370.000	100,00	730	32	698
Cổ đông nắm giữ trên 5% có quyền biểu quyết	20.625.000.000	60,17	5	0	5
Cổ đông nắm giữ từ 1% đến 5% có quyền biểu quyết	7.719.500.000	22,52	10	2	8
Cổ đông nắm giữ dưới 1% có quyền biểu quyết	5.931.870.000	17,31	715	30	685

3. Đánh giá hoạt động SXKD của Công ty

Năm 2012 nền kinh tế thế giới và trong nước gặp nhiều khó khăn, gây trở ngại cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty nhưng bằng sự chỉ đạo định hướng đúng đắn, sát sao, kịp thời của HĐQT cùng với sự quyết tâm nỗ lực của Ban Tổng Giám Đốc, các phòng ban, xí nghiệp và toàn thể CBCNV đã phấn đấu hoàn thành doanh thu và lợi nhuận năm 2012 đạt một số kết quả cụ thể như sau:

- Doanh thu đạt 306 tỷ đạt 95,62% kế hoạch là 320 tỷ.

- Lợi nhuận từ hoạt động SXKD đạt 8,24 tỷ đạt 121,18% kế hoạch là 6,8 tỷ.

- Thu nhập bình quân 4,82 triệu đồng / người / tháng đạt 107,1% kế hoạch là 4,5 triệu đồng / người / tháng. Như vậy thu nhập bình quân tăng thêm 9,5% so với thu nhập bình quân năm 2011 là 4,4 triệu đồng / người / tháng. Đây là một nỗ lực cải thiện đời sống CBCNV mặc dù doanh thu và lợi nhuận suy giảm so với năm 2011.

3. Hoạt động của HĐQT trong năm 2012

Các thành viên trong HĐQT đều có kinh nghiệm trong tài chính, pháp luật và lĩnh vực kinh doanh ngành cấp thoát nước và bao bì xuất khẩu và cùng tham gia điều hành trong Ban Tổng Giám Đốc vì vậy các chiến lược của HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc luôn nhất quán.

HĐQT đã tích cực chủ động giải quyết mọi vấn đề thuộc đúng thẩm quyền, các quyết định kịp thời, nắm bắt quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và đóng góp ý kiến đối với Ban Tổng Giám Đốc các vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành Công ty.

HĐQT đã tổ chức các cuộc họp nghiêm túc, dân chủ. Các biên bản, nghị quyết, quyết định của HĐQT đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên HĐQT, đảm bảo đúng theo Pháp luật, điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, đảm bảo việc lưu trữ hồ sơ và thực hiện công bố thông tin kịp thời theo đúng quy định.

4. Kế hoạch hoạt động của HĐQT trong năm 2013

HĐQT tiếp tục thực hiện các Nghị quyết ĐHCĐ năm 2013, chỉ đạo cụ thể cho Ban Tổng Giám Đốc sâu sát, cụ thể hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh Đại hội Cổ đông đã đưa ra dựa trên các chỉ tiêu tài chính hiệu quả, bảo toàn nguồn vốn, giảm tỷ lệ nợ xấu, cam kết thực hiện trả cổ tức và thực hiện đầy đủ các quyền của cổ đông.

HDQT tiến hành tổ chức việc theo dõi, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định HDQT của Ban Tổng Giám Đốc và công bố thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh nhanh chóng, chính xác và minh bạch.

5. Định hướng triển vọng trong tương lai

Năm 2013, nền kinh tế của Việt Nam được dự báo là sẽ tiếp tục gặp nhiều khó khăn trong nỗ lực tái cấu trúc nền kinh tế của Chính phủ. Với việc ưu tiên kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế xã hội và cải tổ sâu rộng nền kinh tế quốc gia, tăng trưởng kinh tế năm 2013 được dự báo sẽ khó có khả năng đạt được mức tăng trưởng vào khoảng 5,5-6%.

Sản lượng sản xuất và tiêu thụ của các doanh nghiệp trong ngành sẽ bị ảnh hưởng đáng kể từ chính sách thắt chặt tiền tệ, giảm chi tiêu đầu tư công cũng như tình hình âm ảm của ngành xây dựng, bất động sản. Theo chiến lược phát triển ngành nhựa Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025 do Bộ Công Thương phê duyệt vào ngày 17/06/2011, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp bình quân giai đoạn 2011-2015 sẽ vào khoảng 17,56%/năm, đồng thời theo đó giảm dần tỷ trọng các nhóm sản phẩm nhựa bao bì và nhựa gia dụng, tăng dần tỷ trọng nhóm sản phẩm nhựa vật liệu xây dựng và nhựa kỹ thuật.

Tuy nhiên, trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế, mức tăng trưởng của ngành nhựa trong năm 2013 sẽ chỉ ở mức 8%-12% thấp hơn so với trung bình các năm trước và thấp hơn mục tiêu tăng trưởng như trong quy hoạch ngành nhựa. Bên cạnh đó, nhu cầu tăng về các sản phẩm trong ngành nhựa từ các nước trong khu vực sẽ là động lực quan trọng giúp doanh nghiệp nhựa trong nước tìm kiếm thị trường xuất khẩu và giảm mức nhập siêu của ngành. Đây thực sự là cơ hội mở rộng thị trường cho ngành nhựa Việt nam nói chung và cho DNP nói riêng để từ đó khẳng định vị thế của mình.

Trên đây Hội Đồng Quản Trị báo cáo những công việc đã thực hiện trong năm 2012 và phương hướng hoạt động trong năm 2013.

Trân trọng kính chúc Quý Cổ đông nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

TM. Hội Đồng Quản Trị

Chủ tịch

(Đã ký, Đóng dấu)

Nguyễn Lưu Thụy

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NHỰA ĐỒNG NAI
Số:/ TT-HĐQT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Đồng Nai, ngày 11 tháng 4 năm 2013

TỜ TRÌNH CÁC NỘI DUNG XIN Ý KIẾN ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2013

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp.
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ Phần Nhựa Đồng Nai.
- Căn cứ vào Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT ngày 11/4/2013

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai trình Đại hội Đồng Cổ đông thông qua các nội dung sau đây:

I. Nội dung 1: Kết quả hoạt động SXKD và Phân phối lợi nhuận năm 2012

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012

STT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Đồng	305.979.407.085
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch	Đồng	305.978.437.085
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Đồng	47.378.138.890
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Đồng	8.025.779.386
5	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Đồng	8.906.078.298
0	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Đồng	8.243.086.955
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	2.323

2. Phân phối lợi nhuận và trích lập các Quỹ năm 2012

STT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện
1	Quỹ phát triển sản xuất kinh doanh	Đồng	3.166.832.566
2	Quỹ dự trữ tài chính (5%)	Đồng	412.154.347
3	Quỹ khen thưởng (10%)	Đồng	824.308.695
4	Thù lao HĐQT & BKS (5%)	Đồng	412.154.347
5	Cổ tức 2012 (10% vốn điều lệ)	Đồng	3.427.637.000
6	Thưởng 0% HĐQT & BKS cho chênh lệch lợi nhuận vượt so với kế hoạch	Đồng	0

II. Nội dung 2: Phương án sản xuất kinh doanh năm 2013

STT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ
			2013	2012	%
A	B	C	1	2	3=1/2
I	Doanh thu	Tỷ đồng	400	305,98	130,73
II	Sản phẩm chủ yếu				
	1. Ống nhựa các loại	Tấn	4.500	2.657	169,36
	2. Bao bì	Tấn	3.500	3.383	103,46
	Thu nhập bình quân	Tr. đồng	5,0	4,8	104,17
IV	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	10,000	8.243	121,31
	Trong đó:				
	Quỹ phát triển sản xuất kinh doanh	Tr. đồng	2.516	3.166	79,47
	Quỹ dự trữ tài chính (5%)	Tr. đồng	500	412	121,36
	Quỹ khen thưởng (10%)	Tr. đồng	1.000	824	121,36
	Thù lao HĐQT và BKS (5%)	Tr. đồng	500	312	121,36
	Cổ tức (16%)	Tr. đồng	5.484	3.427	160,00

III. Nội dung 3: Thù lao Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát năm 2013

Căn cứ vào khối lượng công việc của Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát đề xuất mức thù lao của Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát năm 2013 là 5% lợi nhuận sau thuế.

IV. Nội dung 4: Ủy Quyền cho Hội Đồng Quản Trị chọn Công ty Kiểm Toán

Căn cứ vào quy định về việc đơn vị kiểm toán tài chính phải được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn. Hội Đồng Quản Trị xin kính trình đại hội chấp thuận ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị lựa chọn Công ty TNHH Tư vấn Thuế Kế toán & Kiểm toán AVINA-IAFC làm đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty năm 2013.

V. Nội dung 5: Sửa đổi Điều lệ Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai.

Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai là Công ty Đại chúng, đã đăng ký giao dịch cổ phiếu trên Sở Giao Dịch Chứng khoán Hà Nội từ năm 2009. Ngày 26/7/2012 Bộ Tài Chính ban hành thông tư số 121/2012/TT-BTC quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng, có hiệu lực từ ngày 17/09/2012. Theo đó, khoản 2 điều 5 Thông tư 121/2012/TT-BTC quy định: “Các công ty đại chúng tham chiếu Điều lệ mẫu tại phụ lục của Thông tư này để xây dựng điều lệ Công ty”.

Vì vậy Hội Đồng Quản Trị đề xuất Đại Hội Đồng Cổ đông thông qua việc sửa đổi Điều lệ cho phù hợp với Quy định hiện hành (đính kèm tờ trình này Bảng tổng hợp Sửa

đổi, bổ sung Điều lệ để Quý Cổ đông thuận tiện theo dõi các nội dung chỉnh sửa). Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sau khi được Đại hội Đồng Cổ đông thông qua sẽ có hiệu lực và được áp dụng tại kỳ Đại hội Đồng Cổ đông thường niên này.

VI. Nội dung 6: Bầu cử bổ sung thành viên HĐQT và Ban Kiểm Soát

HĐQT hiện nay có 2 thành viên gồm Ông Nguyễn Phú Túc và Ông Nguyễn Xuân Nam đã có đơn xin từ nhiệm thành viên HĐQT. HĐQT đề nghị ĐHCĐ bầu bổ sung 2 thành viên HĐQT, thành viên BKS để đảm bảo việc hoạt động hiệu quả và đúng với Luật Doanh nghiệp.

Trân trọng kính trình Đại hội chấp thuận thông qua các nội dung trình trên.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch HĐQT

(Đã ký, Đóng dấu)

Nguyễn Lưu Thụy

Công ty CP Nhựa Đồng Nai

Số:...../QC-HĐQT

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Đồng Nai, ngày 19 tháng 4 năm 2013

QUY CHẾ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

**Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2013
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2006.

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai

Để việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), thành viên Ban kiểm soát (BKS) tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai tuân thủ theo các qui định hiện hành của pháp luật Việt Nam, thực hiện theo nguyên tắc công khai, dân chủ, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua dự thảo Quy chế đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, BKS như sau:

I. Đoàn Chủ tịch tại đại hội

Đoàn Chủ tịch tại đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử với những việc cụ thể là:

- Giới thiệu danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT và BKS
- Giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu
- Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử (nếu có)

II. Quy chế đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, BKS

- Số lượng thành viên HĐQT: **02 người**
- Số lượng thành viên BKS: **01 người**
- Nhiệm kỳ: **2012 - 2017**
- Số lượng ứng cử viên HĐQT, BKS tối đa: **không hạn chế**

1. Tiêu chuẩn làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát

- **Người được đề cử hoặc ứng cử làm thành viên HĐQT phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau:**

- Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
 - Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh, tài chính; hoặc
 - Do HĐQT đề cử bằng nghị quyết và được Đại hội Đồng Cổ đông thông qua.
- **Những người không được làm thành viên HĐQT:**
 - Người chưa thành niên, người thành niên bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.
 - Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc bị toà án tước quyền hành nghề.
 - **Người được đề cử hoặc ứng cử làm thành viên BKS phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau:**
 - Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp.
 - Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty.
 - Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh, tài chính; hoặc
 - Do HĐQT đề cử bằng nghị quyết và được Đại hội Đồng Cổ đông thông qua.
 - **Những người không được làm thành viên Ban kiểm soát:**
 - Người chưa thành niên, người thành niên bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự.
 - Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù.
- 2. Đề cử ứng cử viên HĐQT, BKS**
- **Đề cử ứng cử viên HĐQT**
 - Cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng (hoặc tỷ lệ khác nhỏ hơn 10% theo quy định tại điều lệ) có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT.

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết được quyền đề cử một thành viên HĐQT, từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
- **Đề cử ứng cử viên BKS**
 - Cổ đông nắm giữ ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng liên tục có thể tập hợp phiếu bầu với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban Kiểm Soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
- ***Trong trường hợp các đề cử, ứng cử HĐQT, BKS không đủ số lượng theo tiêu chuẩn nêu trên thì các đề cử vào HĐQT và BKS của HĐQT đương nhiệm sẽ được áp dụng sau khi danh sách này được Đại hội Đồng Cổ Đông thông qua.***

III. Nguyên tắc bầu cử:

- Đúng luật, đúng điều lệ và bỏ phiếu kín.
- Quyền bầu cử được tính theo số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu. Kết quả bầu cử được tính trên số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Mỗi lần bầu cử, một đại biểu cổ đông chỉ được sử dụng một phiếu bầu tương ứng với số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu.
- Ban kiểm phiếu do chủ tọa đoàn đề cử và được đại hội thông qua. Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.

IV. Phương thức bầu cử:

- Danh sách ứng cử viên HĐQT và BKS được ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.
- Phương thức bầu cử:
 - Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu: theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
 - Mỗi cổ đông dự họp được cấp một phiếu bầu thành viên HĐQT và một phiếu bầu thành viên BKS. Các cổ đông điền số cổ phần tín nhiệm cho mỗi thành viên mà mình tín nhiệm sao cho tổng số cổ phần tín nhiệm của các thành viên phải bằng hoặc thấp hơn số cổ phần biểu quyết của mỗi cổ đông. Trong trường hợp có sự lựa

chọn nhầm lẫn, cổ đông có thể liên hệ với Ban bầu cử xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ.

Ví dụ: Cổ đông A sở hữu và được ủy quyền đại diện cho tổng số 2.000 cổ phiếu có quyền biểu quyết. Theo nguyên tắc bầu dồn phiếu thì cổ đông A sẽ có:

⇒ $2.000 \times 2 = 4.000$ quyền bầu thành viên HĐQT;

⇒ $2.000 \times 1 = 2.000$ quyền bầu thành viên BKS;

Như vậy cổ đông A có quyền bầu dồn toàn bộ 4.000 quyền bầu thành viên HĐQT cho một ứng cử viên HĐQT hoặc bầu một phần hoặc chia nhỏ quyền bầu của mình cho các ứng cử viên HĐQT mà mình tín nhiệm theo nguyên tắc tổng số quyền bầu mà cổ đông A sử dụng để bầu cho các ứng cử viên HĐQT không vượt quá 4.000. Tương tự đối với trường hợp bầu BKS.

- Phiếu bầu cử sẽ được bỏ vào thùng phiếu đã được niêm phong trước khi tiến hành kiểm phiếu.
- Phiếu bầu hợp lệ: là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu.
- Các phiếu bầu sau đây sẽ được coi là không hợp lệ:
 - Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu.
 - Gạch tên các ứng cử viên
 - Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài qui định cho phiếu bầu
 - Tổng số quyền bầu cho các thành viên lớn hơn tổng số quyền bầu của cổ đông.
- Việc kiểm phiếu: Tiến hành ở một phòng riêng do Ban Kiểm Phiếu thực hiện.
- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với Đoàn Chủ tịch giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cổ đông (nếu có). Biên bản kiểm phiếu phải được tất cả các thành viên Ban kiểm phiếu ký xác nhận.
- Phiếu bầu cử sau khi kiểm sẽ được lưu trữ theo quy định và mở ra theo yêu cầu của Đại hội cổ đông của công ty.

V. Nguyên tắc trúng cử lựa chọn các ứng cử viên:

- Đạt tỷ lệ % số phiếu bầu cao nhất cho đến đủ số thành viên bầu đã đề ra. Nguyên tắc tính tỷ lệ % được thực hiện theo công thức lấy số phiếu mà ứng cử viên được bầu chia cho tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
- Trường hợp có những ứng cử viên đạt tỷ lệ % số cổ đông tín nhiệm ngang nhau mà cần phải loại bớt để đạt đủ số thành viên trúng cử theo quy định thì người nào sở hữu và được ủy quyền nhiều cổ phần hơn sẽ được chọn. Nếu số cổ phần sở hữu và được ủy quyền cũng ngang nhau thì sẽ tổ chức để bầu lại giữa các ứng cử viên này để chọn.

- Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số thành viên HĐQT và BKS theo quy định trong điều lệ thì sẽ được tiến hành bầu cử bổ sung cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên HĐQT và BKS.
- Ứng cử viên trúng cử có số phiếu bầu cao nhất tại vòng bầu cử đầu tiên sẽ được coi là người trúng cử có số phiếu cao nhất tại Đại hội.

VI. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử vào thành viên HĐQT, BKS:

Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu vào HĐQT và BKS bao gồm:

- Đơn xin ứng cử/đề cử để bầu vào bổ sung thành viên HĐQT và BKS (theo mẫu)
- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu)
- Bản sao công chứng: CMND hoặc bản sao có kèm theo bản gốc để đối chiếu.
- Giấy xác nhận tỷ lệ sở hữu của cổ đông/ nhóm cổ đông thỏa mãn điều kiện đề cử như trong điều lệ công ty quy định.

Hồ sơ đề cử, ứng cử gửi về Ban tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai trước 16h00 ngày 30/04/2013.

Xin trân trọng cảm ơn Đại hội.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch

(Đã ký, Đóng dấu)

Nguyễn Lưu Thụy